

Số: **183/2021/QĐST-HNGĐ**

Tân Phú, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1127/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Trúc Đức V., sinh năm 1971; địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Bành Lệ Q., sinh năm 1974; địa chỉ: Số X, đường Y, phường Z, quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trúc Đức V. và bà Bành Lệ Q. tự nguyện chung sống, đã tổ chức lễ cưới và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 048/93, quyển số 01, ngày 06/10/1993.

Thời gian đầu cả hai chung sống hạnh phúc. Nhưng về sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình, lối sống không hòa hợp, thường xuyên xảy ra gây gổ, cãi vã về chi tiêu, cách chăm sóc con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Cả hai đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không thành. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, do đó ông Trúc Đức V. và bà Bành Lệ Q. yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ông V. và bà Q. có 02 (hai) con chung là Trúc Trung D., sinh ngày 07/8/1994 và Trúc Kim P., sinh ngày 11/3/2000. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Ông V. và bà Q. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về các vấn đề khác: Ông V. và bà Q. cùng xác nhận không có nợ chung.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trúc Đức V. và bà Bành Lệ Q. thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Trúc Đức V. và bà Bành Lệ Q., theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 048/93, quyển số 01, ngày 06/10/1993 của Ủy ban nhân dân Phường X2, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Về con chung: Ông V. và bà Q. có 02 (hai) con chung là Trúc Trung D., sinh ngày 07/8/1994 và Trúc Kim P., sinh ngày 11/3/2000. Các con chung đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Ông V. và bà Q. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về các vấn đề khác: Ông V. và bà Q. cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do ông V. và bà Q. cùng phải chịu, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng mà ông V. và bà Q. đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0071552 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông V. và bà Q. đã nộp đủ lệ phí.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lâm Đức Tài